

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên; sau khi xem xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 516/TTr-BDT ngày 29/6/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân trong tỉnh đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tổ chức các hình thức sản xuất phù hợp, góp phần giảm nghèo bền vững. Củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đảm bảo hoàn thành các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 14/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là căn cứ để các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2025.

## **2. Yêu cầu**

- Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành trong việc thực hiện chương trình; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn kết với việc tập huấn kỹ thuật, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiêu biểu, từ đó hình thành ý thức tự lực, tự cường vươn lên trong cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ; các hoạt động cụ thể do cộng đồng thôn, xã, người dân bàn bạc dân chủ, quyết định và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức quán triệt các nội dung phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, từng ngành nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, hiểu rõ những nội dung cơ bản của Kế hoạch. Việc tổ chức quán triệt phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

- Các cấp, các ngành, địa phương lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đối với vùng đồng bào dân tộc và miền núi; thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc. Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh của vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, giảm khoảng cách về mức thu nhập so với vùng phát triển; thu hẹp dần địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn), gia tăng đầu tư nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng kết nối với các vùng phát triển; tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút các nguồn lực đầu tư cho vùng; đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; từng bước xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; chú trọng xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

### 2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025

Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 cùng với các chương trình dự án và nguồn lực khác, nỗ lực phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh bình quân 2%/năm.

- Giảm 50% số xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Giảm 50% số thôn, xóm ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đường đến trung tâm thôn, bản được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%.

- 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 96% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% vùng đồng bào dân tộc thiểu số được phủ sóng đài phát thanh, truyền hình của trung ương và địa phương.

- Duy trì tỷ lệ ít nhất 8% học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, hoàn thiện cơ sở vật chất các trường nội trú, bán trú của tỉnh. Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%, học sinh đi học đúng tuổi ở cấp tiểu học trên 99%, cấp trung học cơ sở trên 98%, cấp trung học phổ thông đạt 80% trở lên; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 95% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%.

- Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 62% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

### **III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**

##### **a) Đối tượng**

Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; hộ nghèo có phụ nữ

là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

b) Nội dung

- Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở: Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng nêu trên phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai, cụ thể:

+ Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng.

+ Ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

- Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

- Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng một trong hai chính sách sau:

+ Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt:

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng cao chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 243.982 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 212.158 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 31.824 triệu đồng.
- Vốn vay tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội: Theo nhu cầu thực tế.
- Vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

d) Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

## **2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

a) Đối tượng

Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư.
- Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư.
- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

- Xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung

- Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

+ Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư.

+ Khai hoang đất sản xuất.

+ Đầu tư xây dựng: Đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); công trình thủy lợi nhỏ, điện, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

- Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình:

+ Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở).

+ Hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư.

+ Thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ.

- Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép:

+ Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất).

+ Xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, các công trình thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 90.429 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 78.634 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương 11.795 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

**3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

**3.1. Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

a) Đối tượng

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

- Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

b) Nội dung

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.

- Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.

- Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ thực hiện theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan.

- Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 374.422 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 325.584 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 48.838 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiêu dự án theo định kỳ, đột xuất.

**3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

3.2.1. Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

## a) Đối tượng

- Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

- Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã (HTX) tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

b) Phạm vi: Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung: Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

- Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, UBND cấp huyện lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

+ Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

+ Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật.

+ Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

+ Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

+ Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

- Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, UBND cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất;

phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.

+ Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

+ Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

### 3.2.2. Nội dung số 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

#### a) Đối tượng:

- Các dự án phát triển sâm và dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng;

- Thôn, xã, huyện nơi triển khai dự án.

#### b) Nội dung:

- Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

- Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

- Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực cấp tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền

công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

- Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

- Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc, và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.2.3. Nội dung số 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

#### a) Đối tượng

- Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các trường đại học có đông sinh viên dân tộc thiểu số theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

#### b) Nội dung

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Định kỳ hằng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.2.4. Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 72.144 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 62.734 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 9.410 triệu đồng.

- Vốn vay tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội: Theo nhu cầu thực tế.

3.2.5. Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

#### **4. Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Đối tượng, phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung

- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn:

- + Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

- + Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn.

- + Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã).

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trực động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã đặc biệt khó khăn nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 518.879 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 451.199 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 67.680 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

d) Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

**5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

a) Đối tượng: Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông

có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp.

b) Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú:

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên.

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác.

- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 103.145 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 89.691 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 13.454 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **5.2. Nội dung số 1 của Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

a) Đối tượng: Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số: Cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số; dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, viên chức, thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Nội dung

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 49.519 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 43.060 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 6.459 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Đối tượng

- Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài.

b) Nội dung

- Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

- Hỗ trợ đào tạo nghề.

- Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

- Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 249.211 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 216.705 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương là: 32.506 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

#### **5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

a) Đối tượng

- Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

- Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ

thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

#### b) Nội dung

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương.

- Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng.

- Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 28.713 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 24.968 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 3.745 triệu đồng.
- Vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

#### d) Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan quan hướng dẫn, triển khai tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

### a) Đối tượng

- Thành phố, huyện có xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số.
- Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số.
- Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.
- Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số.
- Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### b) Nội dung

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.
- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.
- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.
- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một.
- Xây dựng 03 mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số: Mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc Sán Dìu; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch cộng đồng Hồ Ghềnh Chè, thành phố Sông Công; mô hình bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc Dao, xã Hợp Tiến.
- Xây dựng 03 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư: Câu lạc bộ hát Sáng Cọ dân tộc Sán Chay, xã Na Mao, huyện Đại Từ; Câu lạc bộ hát Then, Đàn Tính dân tộc Tày, xóm Suối Bốc, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương; Câu lạc bộ nghệ thuật hát Soọng Cô, xóm Khuôn, xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên.
- Hỗ trợ hoạt động cho 07 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại xóm Bản Tèn, xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ và không gian văn hóa dân tộc Dao xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ.

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số (trang phục, nghệ thuật trình diễn dân gian...) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc Mông, dân tộc Dao huyện Đồng Hỷ nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn 03 làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số tại huyện Phú Lương, Đồng Hỷ, Định Hóa.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 06 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị cho 20 xóm tại các huyện Võ Nhai (05 xóm), Định Hóa (09 xóm), Đồng Hỷ (04 xóm), Phú Lương (02 xóm).

- Hỗ trợ xây dựng 02 mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 105.658 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 91.873 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 13.785 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

d) Phân công thực hiện

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

a) Đối tượng

- Người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi.

- Trung tâm y tế huyện.

- Cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số; cô đỡ thôn bản.

b) Nội dung

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn.

+ Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã.

+ Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã.

+ Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản.

+ Hỗ trợ điễm tiêm chủng ngoại trạm.

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh.

+ Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Nâng cao năng lực quản lý dân số.

+ Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số:

+ Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

+ Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em.

+ Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 23.710 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 20.617 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 3.093 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

a) Đối tượng: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

b) Nội dung

- Nội dung 1: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em:

+ Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng.

+ Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.

+ Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em.

+ Thực hiện gói chính sách hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em: Tuyên truyền, vận động, khuyến khích, hỗ trợ để phụ nữ dân tộc thiểu số đến sinh con tại các cơ sở y tế đảm bảo sinh đẻ an toàn góp phần thay đổi tập quán có hại cho sức khỏe bà mẹ và trẻ em, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của Nhà nước; lồng ghép tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của gói hỗ trợ trong các chiến dịch truyền thông tại cơ sở và trong các buổi sinh hoạt tại chi/tổ phụ nữ.

- Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em:

+ Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới.

+ Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

+ Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình.

+ Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

- Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị:

+ Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”.

+ Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình.

+ Nâng cao năng lực của phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

- Nội dung 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng

+Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới.

- + Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lòng ghép giới.
- + Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp.
- + Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 là: 48.234 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 41.943 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 6.291 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

## **9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

### **9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**

a) Đối tượng

- Hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các xã, thôn đặc biệt khó khăn có đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 sinh sống ổn định thành cộng đồng.

b) Phạm vi: Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình.

c) Nội dung

- Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế: Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao.

- Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

d) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 16.421 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 14.279 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 2.142 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

đ) Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn UBND các huyện bảo đảm theo đúng quy định của Chương trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

a) Đối tượng

- Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn.

- Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn tảo hôn, kết hôn cận huyết thống.

- Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

b) Nội dung

- Công tác truyền thông:

+ Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình.

+ Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Duy trì và triển khai mô hình tại các xã/huyện/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Tiểu dự án.

- Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Tiểu dự án và thực hiện các chính sách.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 10.570 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 9.191 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 1.379 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

d) Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án bảo đảm theo đúng quy định của Chương trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

**10. Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**

**10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.**

a) Nội dung số 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

- Đối tượng:

+ Trưởng thôn, xóm, bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.

- Nội dung:

+ Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến.

+ Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện và cấp tỉnh) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (Trưởng thôn, xóm, bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người dân tộc thiểu số và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội theo khu vực, vùng miền.

+ Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Nội dung số 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số

- Đối tượng:

+ Người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ tỉnh đến huyện.

+ Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã; thôn, bản; già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

- Nội dung:

+ Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp với vùng miền, địa phương cấp huyện, tỉnh), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số.

+ Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

+ Thực hiện thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

c) Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đối tượng: Trưởng thôn, xóm, bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

- Nội dung:

+ Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số phủ sóng các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số.

d) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 32.789 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 28.512 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 4.277 triệu đồng.

đ) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nội dung thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Nội dung số 2.

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nội dung số 3; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nội dung số 3 theo định kỳ, đột xuất.

## **10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

### a) Đối tượng

- Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; cơ quan thường trực Chương trình ở địa phương.

- Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

### b) Nội dung

- Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự.

- Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 10.527 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 9.154 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 1.373 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các địa phương liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án.

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự”.

- Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

**10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình**

a) Đối tượng

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

b) Nội dung

- Theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện Dự án, Tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động).

- Tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình.

- Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm Chương trình tại một số địa bàn phù hợp.
- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp địa phương.

c) Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 5.713 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 4.968 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 745 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Tiểu dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

#### **IV. DỰ KIẾN TỔNG NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Tổng vốn thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 1.984.065 triệu đồng

- Ngân sách Trung ương: 1.725.270 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 258.795 triệu đồng.

#### **V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tính chủ động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách dân tộc nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia nói riêng là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng trong đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền đảm bảo về phẩm chất, năng lực chuyên môn, kỹ năng truyền đạt, am hiểu tâm lý tập quán của đồng bào, chú trọng đội ngũ tuyên truyền là cán bộ cơ sở.

##### **2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong quản lý điều hành, thực hiện chương trình**

Cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã có đối tượng thụ hưởng ban hành các nghị quyết, chỉ thị về công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình. Định kỳ kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, thực hiện công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia đầy đủ của người dân.

### **3. Hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý, cơ chế phối hợp và giám sát, đánh giá quá trình thực hiện Chương trình**

Tăng cường phân cấp, trao quyền cho địa phương và người dân thực hiện Chương trình; đẩy mạnh phân cấp cho UBND xã làm chủ đầu tư; ban hành cơ chế đặc thù về quy trình rút gọn đối với việc lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ các dự án đầu tư có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp từ nguồn vốn của Chương trình; quy định đặc thù trong lựa chọn nhà thầu, thủ tục triển khai thực hiện các dự án của Chương trình.

### **4. Về huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình**

- Huy động mọi nguồn lực để thực hiện Chương trình, trong đó tinh thần tự lực, tự cường vượt khó vươn lên của người dân giữ vai trò quan trọng, nguồn ngân sách Nhà nước là quyết định. Rà soát, phân kỳ đầu tư, ưu tiên tập trung đầu tư, tránh dàn trải, nợ đọng, bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công, huy động đủ các nguồn lực để tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn, gồm hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tín dụng chính sách xã hội, vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, vốn ODA... Ngân sách Nhà nước thực hiện hỗ trợ có điều kiện; tập trung trọng tâm trọng điểm vào địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, phụ nữ và trẻ em. Tăng cường tính chủ động của các ngành, địa phương trong việc thu hút các nguồn lực phù hợp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **5. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ**

Tăng cường các hoạt động khoa học và công nghệ nhằm tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nghiên cứu, triển khai xây dựng các mô hình, dự án khoa học và công nghệ về sinh kế, văn hóa, xã hội, cải thiện thể trạng, tầm vóc phù hợp và hiệu quả dựa trên nền tảng tri thức, văn hóa truyền thống kết hợp với tri thức, khoa học công nghệ hiện đại.

### **6. Chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, thực hiện Chương trình**

Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chủ trì, chủ đầu tư và các cán bộ công chức. Tin học hóa toàn bộ việc cập nhật, thống kê, báo cáo từ đơn vị chủ đầu tư tới đơn vị chủ trì và cuối cùng là Ban Chỉ đạo.

## **VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Dân tộc tỉnh**

- Là Cơ quan thường trực, quản lý Chương trình, chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định; tổng hợp báo cáo hằng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan rà soát, lựa chọn các nội dung, danh mục đầu tư hỗ trợ được ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm cần thực hiện, đảm bảo đạt được các chỉ tiêu của Chương trình đã đề ra; phối hợp lồng ghép nguồn lực đầu tư hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng chéo.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch, nhu cầu vốn, dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương.

- Chủ trì triển khai thực hiện: Dự án 1; Dự án 2; Tiểu dự án 2 của Dự án 3; Dự án 4; Tiểu Dự án 2 của Dự án 5; Dự án 9; Dự án 10.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Thực hiện chức năng là cơ quan tổng hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổng hợp, cân đối, bố trí vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Hướng dẫn các sở, ngành liên quan lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án với các chương trình, kế hoạch khác trên địa bàn tỉnh.

### **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu báo cáo UBND tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương; vốn đối ứng ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) theo phân cấp cho các đơn vị, địa phương để thực hiện chương trình theo quy định.

- Trên cơ sở quy định và các văn bản hướng dẫn của trung ương, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn; giám sát, kiểm tra, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

#### **4. Các sở, ban, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình**

- Căn cứ các văn bản, định hướng chuyên ngành, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và hằng năm thực hiện Chương trình, Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc phạm vi quản lý, lĩnh vực được giao gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp theo quy định.

#### **5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh; tham mưu đề xuất với các cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, định mức cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số cho phù hợp.

#### **6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên**

Thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

#### **7. Các Sở, ngành, đơn vị liên quan**

Nghiên cứu lồng ghép thực hiện Kế hoạch với các chương trình, đề án, dự án khác được giao, đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo.

## **8. UBND các huyện, thành phố**

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương; tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, chủ động lồng ghép, huy động thêm các nguồn lực cho các Dự án, Tiểu dự án thành phần trong Kế hoạch.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của cấp huyện, xã và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tại địa phương trong thực hiện Chương trình, Nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện.

- Bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định, tổ chức huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân để thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững.

- Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện Chương trình từ cơ sở; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả sử dụng của các công trình, dự án sau khi đã được đầu tư hỗ trợ.

- Tổ chức phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời biểu dương, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, tạo sức lan tỏa sâu rộng của phong trào thi đua từ cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện từ cơ sở. Định kỳ sơ, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

## **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp để tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình gắn với phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. Tuyên truyền nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, các hội, đoàn thể có liên quan, nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND;  
UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Đặng Xuân Trường**